

**DANH SÁCH SINH VIÊN NĂM 4
NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2011-2012 - KHOA
GDTH**

(Danh sách kèm theo Quyết định số
...../QĐ-ĐHSP ngày
...../...../2012)

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Điểm BH	Xếp loại học bổng	Mức tiền	Số
1	K33	Ngũ Từ .901 yễn .091 Thị	19.7.76	80	240.120	000	0.00
2	K34	Lê Dư .901 Thị .020 Thù	08.8.92	97	300.150	000	0.00
3	K34	Ngũ Già .901 yễn .022 Thị	24.7.76	90	240.120	000	0.00
4	K34	Mai Hà .901 Thị .031 Thú	10.7.92	90	240.120	000	0.00
5	K34	Trà Hiề .901 n .037 Thị	29.8.68	95	300.150	000	0.00
6	K34	Đặng Hiề .901 g .038 Thị	07.7.76	88	240.120	000	0.00
7	K34	Trà Hoa .901 n .040 Mỹ	14.7.96	87	240.120	000	0.00
8	K34	Võ Nhi .901 Thị .065 Như	04.8.56	98	300.150	000	0.00
9	K34	Ngũ Quy .901 yễn	08.8.08	83	300.150	000	0.00

	.073	Thị	89		0
		Cầ			
		m			
10	K34	Hồ Thả	09. 7.7694	240. 120	
	.901	Thị o	08.	000	0.00
	.085	Phư	90		0
		ơng			
11	K34	Ngư Anh	29. 8.8897	300. 150	
	.901	yễn	12.	000	0.00
	.007	Thị	89		0
		Vân			
12	K34	Đặng Hân	04. 9.3299	360. 180	
	.901	g N	11.	000	0.00
	.023	gọc	88		0
13	K34	Cao Hân	05. 7.9685	240. 120	
	.901	Thị g	05.	000	0.00
	.025	Thú	90		0
		y			
14	K34	Lê Hư	29. 8.1291	300. 150	
	.901	Thị ơng	03.	000	0.00
	.043	Thu	90		0
15	K34	Ngư Hư	09. 8.0497	300. 150	
	.901	yễn ơng	12.	000	0.00
	.044	Thị	89		0
		Tha			
		nh			
16	K34	Vũ Kiề	06. 8.0491	300. 150	
	.901	Thị u	06.	000	0.00
	.047		89		0
17	K34	Đặng Liê	20. 8.2489	300. 150	
	.901	g n	09.	000	0.00
	.049	Thị	90		0
18	K34	Hồ Ngâ	26. 7.7688	240. 120	
	.901	Thị n	11	000	0.00
	.057	Thủ	2.8		0
		y	8		
19	K34	Đặng Tha	04. 9.0410	360. 180	
	.901	g nh	01.	0	000 0.00
	.082	Thị	90		0
		Mai			
20	K34	Bùi Trin	05. 8.0010	300. 150	
	.901	Thị h	12.	0	000 0.00
	.102	Tuy	90		0
		ết			
21	K34	Ngư Vy	05. 8.4497	300. 150	
	.901	yễn	06.	000	0.00
	.112	Thị	90		0
		Thả			
		o			